

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/03/2024.

V/v: Ly hôn, trả chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, trả chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐ-ST, ngày 05/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp H, xã Hoà Tú 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bi đơn:** Ông Lương Văn A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/09/2023 nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:* Vào năm 2001 bà K và ông A kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cũng hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Lương Văn A. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Lương Văn K, sinh ngày 18/8/2002, hiện nay đã trưởng thành và đang sống với bà K. Nay về con chung bà K không yêu cầu giải quyết

vì con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Lương Văn A thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà K được ly hôn với ông A. Về con chung hiện đã thành niên nên không ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông A và bà K theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:*

Bà Lê Thị K và ông Lương Văn A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001 và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc được khoảng 12 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông A và bà K không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông A là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông A và bà K đã có với nhau 01 con chung là Lương Văn K, sinh ngày 18/8/2002 nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị K được ly hôn với ông Lương Văn A.

- Về con chung: Con chung là cháu Lương Văn K, sinh ngày 18/8/2002 hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0010327, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Phòng GDKT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

